

Bản án số: **48/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 26 - 02 - 2020
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, xin ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Huỳnh Thanh Hùng;
2. Lê Văn Phú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 482/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp VH, xã VHD, huyện An Phú, tỉnh An Giang; tạm trú: Tổ 4, ấp PT, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bi đơn: Bà Huỳnh Thanh H (Huỳnh Thị S), sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 12, ấp VH, xã VHD, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông T và bà H đều có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Nguyễn Hồng T; trình bày của bà Huỳnh Thanh H; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Hôn nhân của Ông T và bà H do tự tìm hiểu, quen biết, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VHD cấp giấy công nhận kết hôn (chứng nhận kết hôn) ngày 18/3/1986. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông T, do bà H không có trách nhiệm trong đời sống gia đình; không chăm sóc cho ông trong lúc ốm đau; không phụ giúp chi phí

điều trị bệnh cho ông trong khi bà H là người giữ tiền do vợ chồng làm ra. Theo bà H, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T phát sinh từ năm 2017, nguyên nhân là do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ đó thì giữa bà và ông T đã ly thân. Bà H cũng xác định không còn tình cảm với ông T. Tuy nhiên bà không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà H có với nhau một con chung tên: Nguyễn Thị Bé Thảo, sinh năm 1988. Cháu Thảo đã thành niên, không mất khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Về chứng cứ: Các đương sự giao nộp, bản sao Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thị Bé Thảo; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hồng T; bản sao Trích lục kết hôn mang tên Nguyễn Hồng T và Huỳnh Thanh H; bản sao Giấy công nhận kết hôn.

Tại phiên tòa, ông T xác định mối quan hệ tình cảm giữa ông và bà H là không thể hàn gắn, nên ông yêu cầu được ly hôn. Bà H xác định ông T có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng bà không biết rõ họ tên, địa chỉ chính xác, chỉ biết ở Vũng Tàu. Tuy nhiên bà còn thương chồng nên không đồng ý ly hôn.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hồng T kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Huỳnh Thanh H, xác định ông T là nguyên đơn, bà H là bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện thì ông Nguyễn Hồng T yêu cầu xin được ly hôn với bà Huỳnh Thanh H. Bà H cư trú tại ấp Vĩnh Hội, xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] xét nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông Nguyễn Hồng T và bà Huỳnh Thanh H là tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới; có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hội Đông cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/3/1986. Hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông T và bà H đều xác định có mâu thuẫn về tình cảm, mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của mỗi người là khác nhau. Cả hai cũng đã xác định đã ly thân nhau từ khoảng tháng 11 năm 2017. Ông T thì cương quyết xin ly hôn bởi cách cư xử của bà H đối với ông thiếu tình cảm vợ chồng, không tôn trọng và nặng về vật chất, nên ông không có nguyện vọng hàn gắn. Trong quá trình hòa giải thì bà H cũng xác định không còn tình cảm với ông T, nhưng tại phiên tòa thì bà xác định vẫn còn tình cảm với ông T. Tuy nhiên, qua hỏi, đối đáp, tranh luận tại phiên tòa, có căn cứ xác định mâu thuẫn tình cảm giữa ông T và bà H đã

đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà H có với nhau 01 (một) con chung tên Nguyễn Thị Bé Thảo, sinh năm 1988. Hiện nay chị Thảo đã trưởng thành, không mất khả năng lao động, có đầy đủ năng lực hành vi và đã lập gia đình, nên không xem xét việc nuôi con sau ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do ông T và bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này ông T, bà H có tranh chấp nhau về tài sản chung, nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 273 của Bộ Tuật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Hồng T,

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Hồng T được ly hôn với bà Huỳnh Thanh H (Huỳnh Thị S) .

2/ *Về án phí:* Ông Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số TU/2016/0011799 ngày 24/12/2019.

Ông T, bà H không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

3/ *Về quyền kháng cáo:* Án tuyên công khai có mặt ông T, bà H, thời hạn kháng cáo của ông T, bà H là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/02/2020).

Giấy công nhận kết hôn (chứng nhận kết hôn) số 118 ngày 18/3/1986 do Ủy ban nhân dân xã VHĐ, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Hồng T và bà Huỳnh Thanh H (Huỳnh Thị S) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (2);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (2);
- UBND xã VHĐ (1);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Sáu